

Bản án số: 83/2022/HS-ST

Ngày: 29-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Bà Đỗ Thị Luyến.

Ông Lê Quang Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Tiến Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/02/1992, tại Điện Biên. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V, sinh năm 1959 (Đã chết) và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963 (Đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/02/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 20 (hai mươi) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Ngày 28/12/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 28/3/2018, chấp hành xong án phạt tù, hiện đã được xóa án tích; bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Việt T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24/7/1992, tại Điện Biên. Nơi cư trú: Số nhà 22, tổ dân phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là Nguyễn Phương T, sinh năm 1992, 01 người con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/3/2022, bị tạm giam từ ngày 25/3/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Tiến Đ do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chỉ định:* Ông Hoàng Tiến N, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt T do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chỉ định:* Ông Nguyễn Trần D, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt T do gia đình bị cáo mời: Ông Bùi Đình M, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 22/3/2022 tại Km 377 + 300 thuộc khu vực Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang Nguyễn Việt T đang trên đường vận chuyển 06 túi nilon đựng các viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 111,6 gam (sau đó được xác định là ma túy: Loại Methamphetamine) để giao cho Bùi Tiến Đ đang ở tỉnh Vĩnh Phúc. Các bị cáo Nguyễn Việt T và Bùi Tiến Đ khai nhận:

Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T cùng Phạm Mạnh T đều là người Điện Biên đi làm thuê tại tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 19/3/2022 Tuấn có nói với Đ là bạn của T cần mua ma túy loại hồng phiên không biết để làm gì và nhờ Đ tìm mua với giá khoảng 03 triệu đồng/01 túi. Ngày 21/3/2022 Đ nhận được 18 triệu đồng do chủ tài khoản NGUYEN PHUONG T chuyển vào tài khoản của Đ. Sáng ngày 22/3/2022 Đ trao đổi với T nhờ T xuống khu vực đền H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để gặp đối tượng tên là H để nhận 06 túi hồng phiên và trả cho H 14,4 triệu đồng được T đồng ý sau đó Đ đã chuyển vào tài khoản của T 02 lần với tổng số tiền là 16,5 triệu đồng. T đã rút 15,8 triệu đồng đến gặp H để giao nhận ma túy, trả tiền như Đ nhờ (T tự mua thêm 100 nghìn đồng Heroine và đã sử dụng hết). Khoảng 18 giờ cùng ngày T cầm theo ma túy và đi xe khách nhà xe V chạy tuyến Điện Biên – Tuyên Quang, biển kiểm soát 27B-004.48 được phụ xe sắp xếp tầng 1 số 27 hàng thứ 5 phía bên cửa lên xuống xe. Khi xe đi đến khu vực bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên thì bị bắt, thu giữ cùng toàn bộ số ma túy là 06 túi viên nén màu hồng, tổng khối lượng là 111,6 gam được xác định là ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số: 486/KL-KTHS ngày 29/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Nguyễn Việt T là 111,6 gam.

- 06 mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Nguyễn Việt T gửi đến giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số: 55/CT-VKS-P1 ngày 15/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T để xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T đều phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Tiến Đ 20 (Hai mươi) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T 20 (Hai mươi) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không tranh với luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung thêm gì với bản bào chữa của những người bào chữa cho các bị cáo đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, mặt khác số ma túy đã kịp thời bị thu giữ chưa phát tán ra ngoài xã hội, bị cáo Nguyễn Việt T có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử về một tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo do bị cáo T đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong quá trình giải

quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Do các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T khai nhận: Do có quen biết với đối tượng tên là Phạm Mạnh T và được T nhờ mua hộ ma túy cho bạn của T mang lên Vĩnh Phúc nhưng không nói rõ mua ma túy để làm gì và biết được việc vận chuyển trái phép chất ma túy thu được nhiều lợi nhuận Bùi Tiến Đ được chủ tài khoản chuyển vào tài khoản của Đ để đi mua ma túy. Sau khi nhận được tiền Đ đã chuyển vào tài khoản của T tổng số tiền là 16,5 triệu đồng. Ngày 22/3/2022 Đ cho T số điện thoại của người có tên là H để thực hiện việc mua ma túy, sau đó tại khu vực đền H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, T đã mua được của H 06 túi hồng phiến giá 14,4 triệu đồng và thông tin cho Đ về việc đã mua được ma túy, Đ bảo T mang số ma túy mua được lên Vĩnh Phúc để Đ giao cho bạn của T. Khi nhận được ma túy T mang về nhà cất giấu đến 18 giờ cùng ngày T mang theo số ma túy mua được đi xe khách nhà xe V chạy tuyến Điện Biên – Tuyên Quang, biên kiểm soát 27B-004.48 khi xe khách đi đến khu vực bản L (KM 377+300) xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên thì bị bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng là tổng cộng 111,6 gam Methamphetamine.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi vận chuyển trái phép 111,6 gam Methamphetamine của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[2] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi bị bắt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Việt T có ông ngoại là Phạm Huy H là thương binh, được tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp phát triển nông thôn và có bà ngoại là Phạm Thị V được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhì nên bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Đối với bị cáo Nguyễn Việt T, mặc dù ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị cáo đã có thời gian dài phục vụ trong quân đội, song bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện, nên đã thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Bùi Tiến Đ, mặc dù bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội danh khác nhau và có thời gian dài chấp hành án tại trại giam, song bị cáo vẫn không chịu tu tâm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khối lượng ma túy các bị cáo đã vận chuyển trái phép là rất lớn.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đ là người khởi xướng, T là người trực tiếp thực hiện. Bị cáo Đ đã được hưởng lợi từ việc vận chuyển ma túy số tiền là 1,5 triệu đồng nhưng bị cáo đã chi dùng cá nhân hết, hiện không có khả năng thi hành án nên Hội đồng xét xử quyết định không truy thu số tiền này. Bị cáo T được hưởng lợi là 2.000.000 đồng, bị cáo đã chi dùng cá nhân và hiện bị thu giữ là 1.250.000 đồng, số tiền này cần bị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đề nghị trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

Về đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ để chấp nhận, bởi vì theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phòng chống tội phạm, việc bị cáo T khai ra đồng phạm trong vụ án, bị cáo đã được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị của người bào chữa về xem xét áp dụng mức hình phạt tù dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo T là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì mặc dù bị

cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải song tổng khối lượng ma túy mà các bị cáo tham gia vận chuyển gồm 111,6 gam Methamphetamine là đặc biệt lớn và đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, của những người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về xử lý chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số ma túy và 01 túi nilon màu đen, 01 túi nilon màu trắng, 01 túi xách màu xanh cần bị tịch thu tiêu hủy .

- Đối với số tiền 1.250.000 đồng bị cáo T khai là của Đ chuyển vào tài khoản cho bị cáo, số tiền này do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của Đ và 01 điện thoại di động Iphone màu hồng thu giữ của T, do các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với thẻ ATM tạm giữ của Nguyễn Việt T, do bị cáo sử dụng chủ yếu vào sinh hoạt hàng ngày nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của bị cáo Thắng do bị cáo không sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về các vấn đề khác:

Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Việt T, người đàn ông tên Lò Văn H nhà ở khu vực đền H, xã N, huyện Đ là người giao ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã triệu tập lấy lời khai đối với Lò Văn H nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các số điện thoại 0867.519.452 tên thuê bao Mùa Thị D, Cơ quan điều tra đã xác minh lấy lời khai nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Theo lời khai của Bùi Tiến Đ đối với Phạm Mạnh T và Nguyễn Phương T là những người đã nhờ và chuyển tiền cho Đ mua ma túy, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh, đối tượng vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T đều phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Tiến Đ 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2022.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 108,9 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 túi nilon màu đen, 01 túi nilon màu trắng, loại dùng để hút chân không.

- 01 túi xách màu xanh, có chữ ENSURE, tạm giữ của Nguyễn Việt T.

- 01 chăn rằn ri (kiểu chăn quân đội), tạm giữ của Nguyễn Việt T.

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, mặt sau có chữ Iphone, màu hồng, IMEI 358566074861095, mặt sau điện thoại có nhiều vết xước, đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Việt T.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu vàng, số IMEI 355728073406677, lắp sim số 0337.628.846, điện thoại đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Tiến Đ.

- 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên được dán kín. Mặt trước của phong bì có dòng chữ “Hoàn trả mẫu vật giám định 07 (bảy) tờ tiền vụ Nguyễn Việt T”, trong phong bì có 1.250.000 đồng.

*** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Việt T:**

- 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, mặt sau có chữ Iphone, màu vàng, IMEI 355408079842551, đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Việt T.

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank, mã thẻ 9704151534809125, mang tên Nguyễn Việt T, tạm giữ của Nguyễn Việt T (tính đến ngày 06/4/2022, số dư cuối của tài khoản là 546.000 đồng).

Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 16/8/2022).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Tiến Đ và Nguyễn Việt T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2022).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Ủy ban nhân dân phường T, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trọng Đoàn